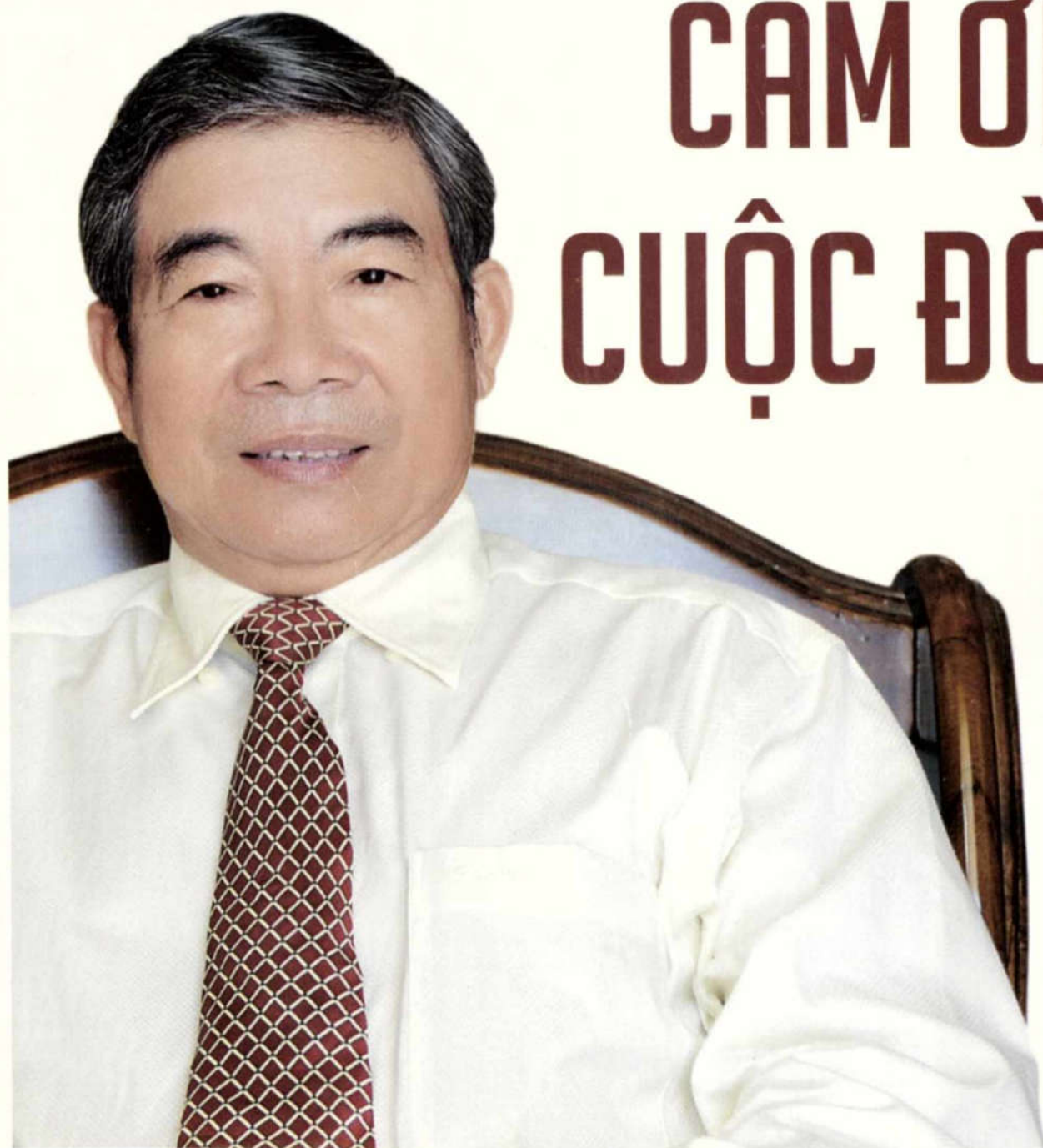


SĐC

257

Nguyễn Văn Thỏa  
(Bảy Thỏa)

# CẢM ƠN CUỘC ĐỜI



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

## NGUYỄN VĂN THỎA TỰ BẢY THỎA

Sinh ngày: 10/5/1946

Nguyên quán: Thái Bình; sinh quán: Long An; trú quán: Phước Long – Bình Phước.

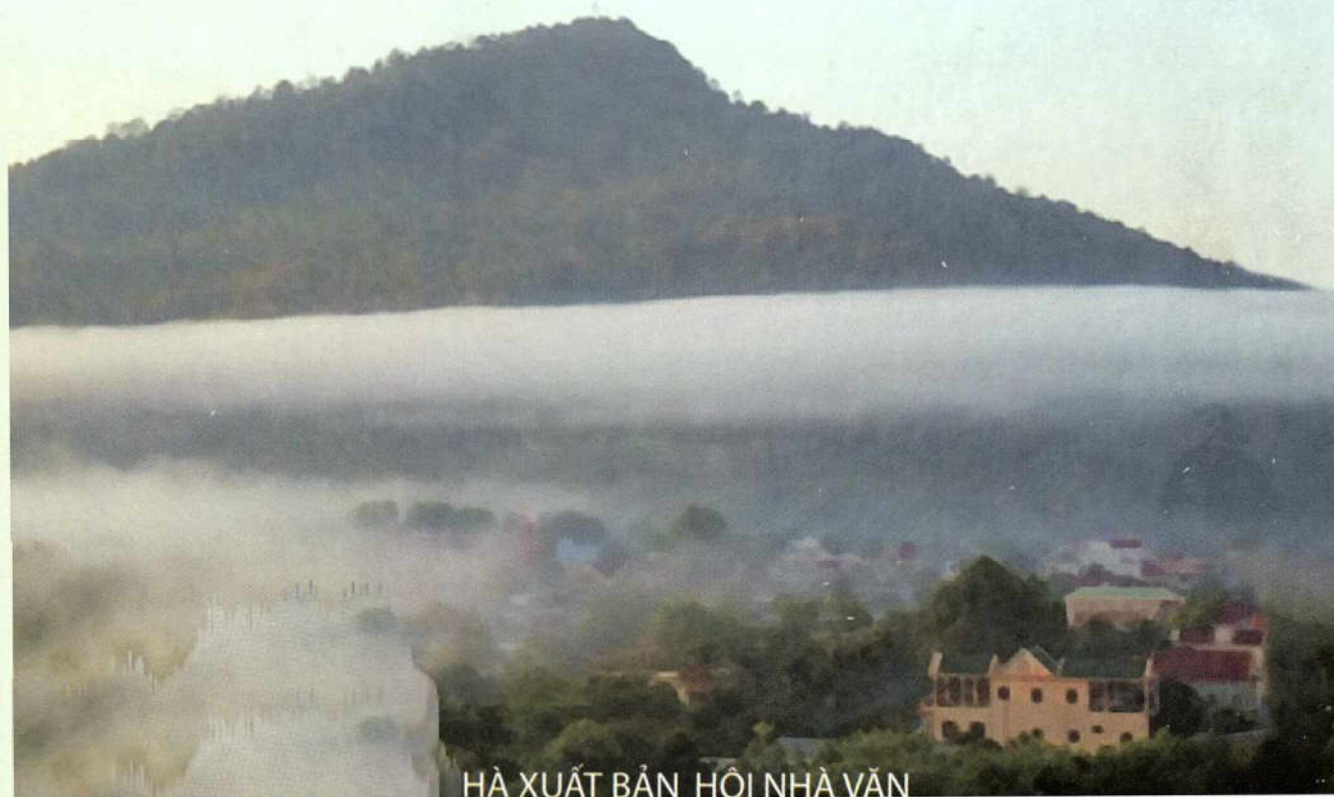
Ông tham gia cách mạng, gia nhập quân giải phóng từ năm 1965. Năm 1969 được điều động công tác tại đội biệt động Bà Rá, đến năm 1970 là đội phó, năm 1972 là đội trưởng Đội Biệt động này. Sau khi tỉnh Phước Long được giải phóng hoàn toàn, ông là Huyện ủy viên Huyện ủy Phước Long, được phân công làm Bí thư huyện Đoàn – Bí thư đầu tiên, Chủ tịch đầu tiên xã Sơn Giang, là Ủy viên ban thường vụ tỉnh đoàn Sông Bé.

Các chức vụ ông từng trải qua:

- Bí thư tỉnh đoàn Sông Bé – Ủy viên ban thường vụ Trung ương Đoàn TN Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Phó ban Thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sông Bé.
- Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sông Bé.
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Sông Bé.
- Phó Chủ tịch Hội hữu nghị VN – Campuchia.
- Trưởng ban tìm kiếm hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện hi sinh trên chiến trường Campuchia.
- Phó Chủ tịch Hiệp hội điều VN; Chủ tịch Hội điều Bình Phước.
- Chủ tịch Hội Khuyến học Bình Phước; Thành viên Ủy ban Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.
- Chủ tịch Liên hiệp các Hội KHKT Bình Phước;
- Thành viên Ủy ban Trung ương Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Nguyễn Văn Thỏ  
(Bảy Thỏ)

# CẢM ƠN CUỘC ĐỜI



HÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

30/1/2021

Thân tặng thư viện tranh B.P.

Tác giả

hà

---

Nguyễn Văn Huệ

# CẢM ƠN CUỘC ĐỜI

## **CẢM ƠN CUỘC ĐỜI**

Bản quyền © 2020, Nguyễn Văn Thỏa

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng văn bản in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là hành vi phát tán hơn 10% nội dung ấn phẩm trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của tác giả đều vi phạm pháp luật.

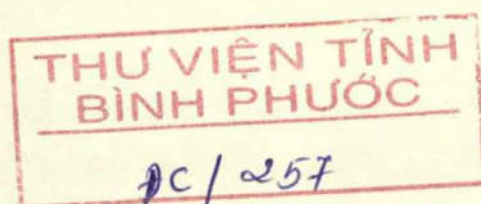
895.922 803

C 104 Ơ

Nguyễn Văn Thỏa  
(Bảy Thỏa)

# CẢM ƠN CUỘC ĐỜI

*Tự truyện*



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

# LỜI NÓI ĐẦU

Từ lâu, đã có nhiều anh chị em là nhà văn, nhà báo đề nghị viết về cuộc đời tôi. Họ là những người biết tôi qua anh em, bạn bè; hoặc là những người tôi gặp gỡ qua công việc, trong quá trình công tác. Trước tiên tôi xin gửi lời cảm ơn về thiện chí của anh chị em, các bạn đã dành cho tôi, và nhân đây cũng cho tôi gửi lời xin lỗi vì đã nhiều lần từ chối những lời đề nghị chân thành đó.

Thật ra, tôi chưa từng nghĩ sẽ viết về cuộc đời mình, cho đến một ngày tôi chợt ngộ ra rằng *“để lại đôi điều cho con cháu khi mình khuất núi, cũng là việc nên làm, là cách truyền động lực, niềm tin, giúp con cháu hiểu biết thêm về cội nguồn tổ tiên ông bà cha mẹ. Đó cũng là cách giúp con cháu nên người và hướng chúng thường xuyên nghĩ đến những việc có ích cho xã hội”*... Và, những điều này, tôi nghĩ tốt hơn hết là tự mình viết ra, dù văn chương chữ nghĩa chưa bao giờ là sở trường của tôi.

Và hơn ai hết, tôi biết mình sẽ viết những gì. Tôi viết những khi nào tôi muốn và tôi nhớ về một điều gì đó một cách bất chợt, không một chút gượng ép. Có khi vài dòng

xuất hiện lúc đêm khuya khó ngủ; viết lúc vắng mặt vợ con; viết lúc vắng mặt đồng chí, đồng đội đã từng vào sinh ra tử; viết sau tách trà buổi sáng; viết vào những thời điểm bản thân cảm thấy tự hào chiến thắng bệnh tật và tuổi già.

Sách là câu chuyện về cuộc đời tôi. Ghi lại những niềm vui cũng như những gian truân trong cuộc đời tôi đã trải qua; ghi lại một cách trung thực những kỉ ức về các trận chiến mà tôi và đồng đội của mình đã là người trong cuộc, ở giữa ranh giới mỏng manh của sự sống và cái chết; ghi lại những công việc tôi từng tham gia qua các thời kì; những quan niệm sống và những điều răn dạy dành cho cháu con.

Cuốn sách cũng trân trọng ghi lại những lời nhận xét chân thành về tôi qua đồng chí, đồng đội, những anh chị em đã từng tham gia công tác.

Cuốn sách, dù với mục đích chính là để lại cho con cháu như món quà tinh thần, nhưng bạn đọc vẫn có thể tìm thấy đâu đó trong từng trang sách những điều bình dị chân tình cùng những trải nghiệm đời thường thú vị.

Xin cảm ơn cuộc đời đã cho tôi có đủ những tháng ngày được sống và sống có ý nghĩa. Xin hãy đón nhận cuốn sách như đón nhận ở tôi một tấm lòng.

# Mục lục

|                                                                                    |     |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Lời nói đầu .....                                                                  | 5   |
| Chương 1. Quê hương - tuổi thơ tôi.....                                            | 9   |
| Chương 2. Gia nhập quân Giải phóng.....                                            | 23  |
| Chương 3. Tôi lên công tác ở Đội biệt động Bà Rá .....                             | 43  |
| Chương 4. Tôi hỏi vợ & đám cưới thời chiến<br>không thể nào quên .....             | 65  |
| Chương 5. Ký ức chiến tranh .....                                                  | 77  |
| Chương 6. Tấn công và bóc gỡ hoàn toàn<br>tổ chức Fulro tỉnh Sông Bé.....          | 141 |
| Chương 7. Hành trình của một người cán bộ đoàn .....                               | 153 |
| Chương 8. Công tác ở Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy Sông Bé .....                          | 179 |
| Chương 9. Tôi trở về công tác tại tỉnh Bình Phước .....                            | 185 |
| Chương 10. Đến thờ Bà Rá và sự tưởng nhớ<br>đồng chí, đồng đội.....                | 223 |
| Phụ lục. Văn bia tưởng nhớ liệt sĩ và đồng bào tử nạn<br>ở Bà Rá – Phước Long..... | 229 |
| Chương 11. Duyên nợ với nước bạn Campuchia .....                                   | 237 |
| Chương 12. Ngôi nhà của tôi.....                                                   | 249 |
| Thay lời kết .....                                                                 | 257 |
| Cảm nghĩ của đồng đội & anh em bạn bè .....                                        | 263 |
| Phụ lục. Ảnh tư liệu về<br>cuộc đời hoạt động của tác giả .....                    | 281 |

# CHƯƠNG 1

## Quê hương - tuổi thơ tôi

Với nhiều người, quê hương có thể chỉ có một và duy nhất – là nơi chôn nhau cắt rốn, gắn liền với gia đình, tổ tiên. Còn với tôi, quê hương theo nghĩa đúng và đầy đủ chính là Việt Nam.

Trên mảnh đất thiêng liêng hình chữ S ấy, những địa danh cụ thể nào đã khắc họa và lưu giữ trong tôi những tình cảm yêu thương, những cảm xúc sâu lắng mà mỗi lần nghĩ đến nó đều hiển hiện lên những hình ảnh, sự kiện, giá trị thiêng liêng cao quý thì đó là quê hương.

Đó là suy nghĩ của tôi về định nghĩa quê hương. Quê hương vừa riêng vừa chung, quê hương ôm trọn đất nước này và luôn bao trùm trong tâm trí tôi. Trong thực tế thì Bắc, Trung, Nam cả ba miền đều là quê hương tôi, bởi vì: Thái Bình là nơi tổ tiên, ông bà và ba má tôi ra đời. Long An là nơi cả gia đình tôi lưu lạc trong bom đạn chiến tranh, nơi mà ba má tôi đã sinh ra chị tôi, tôi và các em. Trong lúc hoạn nạn, đói nghèo nhưng được đón nhận sự yêu thương đùm

bọc của biết bao tấm lòng nhân ái, tình nghĩa đồng bào. Với tôi, 12 năm tuổi thơ với biết bao kỷ niệm, biết bao sự kiện như những câu chuyện “cổ tích” về tình người, lòng nhân ái, sự cứu mang, chia sẻ của những con người đồng cảnh ngộ với nhau. Còn Phước Long – Bình Phước là nơi mà tôi đã trải qua những năm tháng chiến tranh rất gian khổ, ác liệt nhưng cũng rất đổi tự hào. Là nơi biết bao đồng đội tôi đã hi sinh. Là nơi biết bao đồng bào đã cứu mang, đùm bọc, che chở để cho đơn vị tôi hoàn thành nhiệm vụ. Sông Bé – Bình Phước là nơi tôi đã từng trải qua nhiều cương vị công tác, từ công tác Đoàn thể, công tác Đảng đến công tác chính quyền... Đồng đội biết đến tôi, đồng bào nhiều người yêu mến tôi vì tôi là con người của công việc, làm việc gì là phải tận tâm, hết mình và phải để lại thành quả cụ thể, tất nhiên cũng có những lúc không thể tránh khỏi những sai sót ngoài ý muốn.

Như vậy có thể nói tôi có ba quê nhà trong một quê hương lớn là Việt Nam.

Đầu tiên là quê hương Thái Bình, nhà tôi ở thôn Diêm Tỉnh, xã Thụy Dũng, huyện Thái Thụy. Mảnh đất nghèo đói, đất hẹp người đông, lại còn bị chiến tranh xâm lược. Tiêu biểu là nạn đói khủng khiếp năm 1945 với hàng triệu người chết, trong đó có ông bà và nhiều người trong gia đình tôi. Tôi được nghe kể lại rằng, lúc đó nhà không còn gạo, phải ăn cám trộn với rau đồng qua ngày. Xin nói qua về đặc điểm gia tộc tôi lúc ấy: Ông nội tôi là một người rất giỏi về hát chèo - hát bội và được xem là nghệ nhân nên người ta thường mời

ông đi dạy hát trong tỉnh và các tỉnh lân cận như Nam Định, Hải Phòng...

Ba tôi kế thừa được gene di truyền của nội nên khi vào Nam làm contra cao su, ông là “trùm” hát chèo – hát bội ở đồn điền Thuận Lợi. Ông có năng lực tổ chức biểu diễn, đồng thời đảm trách luôn các vai chính trong vở diễn. Hàng năm, vào các ngày lễ kỷ niệm bậc Thánh hiền, người có công, tại các đền thờ đều tổ chức những vở diễn phục vụ bà con nhân dân địa phương. Những lúc ấy ba tôi lại có dịp trở tài. Còn về ông ngoại, tôi được nghe ba má kể lại rằng ông là một lương y có tài, rất nổi tiếng về đức độ trong làng. Cũng chính vì vậy mà nhiều người không cạnh tranh lại, sinh lòng ghen ghét nên đã dùng độc dược sát hại ông. Còn ba má tôi gia cảnh nghèo đói, túng thiếu, không mảnh đất cắm dùi.

Năm 1936, ba tôi đăng ký làm công nhân đồn điền cao su và rời nhà ra đi. Má tôi lúc đó vừa mới sinh anh tôi nên phải ở lại. Đến năm 1940, ba tôi trở về đón má và chị cả vào cùng, còn anh tôi mới bốn tuổi nên ông bà nội giữ lại. Lúc đó, chiến tranh liên tiếp, hai miền chia cắt, anh tôi ở lại với ông bà nội già yếu, nghèo khổ. Rồi ông bà qua đời trong thiếu thốn, anh tôi phải sống trong cảnh cùng cực và tủi nhục tận cùng. Cha mẹ tuy có mà như không, vì không biết đang ở phương trời nào. Ông bà và những người thân, máu mủ trong dòng tộc đều lần lượt ra đi.

Năm 1965, anh tôi tự nguyện gia nhập quân đội và vào Nam chiến đấu với mong muốn có cơ may tìm kiếm ba má

và gia đình. Nhưng khi hành quân, tham gia các trận đánh ở chiến trường Quảng Trị - Đường Chín Nam Lào, anh bị thương nặng ở đầu và cột sống nên được lệnh trở về miền Bắc an dưỡng. Sau đó anh được bố trí làm công nhân ở Nông trường Sông Lô - Tuyên Quang. Mãi đến năm 1976, gia đình chúng tôi mới đón anh chị và các cháu vào đoàn tụ tại Phước Long.

\*\*\*

Long An là quê hương thứ hai của tôi, nơi tôi được sinh ra và lưu dấu chân mình suốt 12 năm thơ ấu.

Năm 1945, khi chiến tranh Nhật - Pháp nổ ra, ba má tôi cùng các chị phải rời bỏ đồn điền cao su Thuận Lợi để đi lánh nạn. Trải qua các trạm dừng chân ở Tân Phước Khánh - Thủ Dầu Một, sau đó về đến Gò Sỏi, Kênh số 2 thuộc huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và định cư ở đây 12 năm (từ 1945 đến 1957). Tôi và ba người em được sinh ra trên mảnh đất này, nhưng người em út Nguyễn Văn Lành không may đã chết khi mới chào đời được vài tháng.

Gia đình chúng tôi đến Long An với hai bàn tay trắng đúng nghĩa, không đất đai, không nhà cửa, không một đồng bạc lặn lưng. Mảnh đất dựng ngôi nhà tạm cũng là nhờ lòng tốt của chú Bảy Đủ cho mượn. Tôi đã được sinh ra tại ngôi nhà này, bên bờ kênh số 2 ấp Gò Sỏi. Để nuôi sống 6 thành viên trong gia đình, ba má tôi phải đi làm cỏ mía, cỏ thơm cho chủ vườn. Tôi được nghe kể lại rằng, khi má mới sinh và tôi còn là một đứa trẻ sơ sinh đỏ hỏn, bà đã phải cùng ba

lao động vất vả mưu sinh. Một lần khi ba má đi làm, chỉ có chị tôi ở nhà giữ em thì giặc Tây đổ bộ vào áp càn quét bắn phá. Chúng thực hiện chủ trương “đốt sạch giết sạch”. Trong lúc bom đạn ác liệt ấy, ba má tôi kịp chạy về bồng bế chúng tôi vào sâu trong bưng biển ẩn nấp. Ngôi nhà tạm bợ ấy phải nhiều lần cất cỏ bàng lợp lại vì mỗi khi càn quét chúng đốt sạch phá sạch.

Cuộc sống đói nghèo ấy theo đuổi gia đình tôi trong nhiều năm liền. Ba má một nắng hai sương vất vả nhọc nhằn tìm kiếm từng đồng tiền hạt gạo để nuôi sống chị em tôi. Tôi còn nhớ kỹ những cây trái như cà na, bình bát, lúc bấy giờ là những thứ trái cây quý giá chúng tôi biết tìm kiếm để ăn. Tôi lớn lên trong cuộc sống bình dị bên cạnh ba má, anh chị em và biết bao cô bác xóm giềng rất tốt bụng cùng chung thân phận nghèo khó. Cho đến nay, mỗi lần ngồi suy nghĩ về quá khứ, tôi vẫn thầm hỏi sao thời bấy giờ chiến tranh ác liệt, khó khăn thiếu thốn đủ bề mà có nhiều người tốt đến thế. Không phải họ hàng thân thuộc, chỉ là hàng xóm láng giềng và đều cùng khổ nhưng lại đối xử với nhau bằng tất cả tấm lòng cứu mang đùm bọc.

Tôi chỉ xin kể một vài nhân vật điển hình mà đạo đức nhân cách và ơn nghĩa của họ mãi ghi vào trái tim khối óc từ tuổi ấu thơ tôi đến tận bây giờ.

Đầu tiên là bác Tư Thiệu - thầy thuốc Bắc chuyên cắt thuốc cho người bệnh. Hai bác không có con, bác gái làm nội trợ và phụ bác trai sắc thuốc cho người bệnh. Hồi đó má tôi

thân hình ốm yếu, thường xuyên bệnh tật nên được hai bác thương tình. Bác gái xem má tôi như em ruột, đã cho thuốc rồi còn tự tay sắc cho má tôi không biết bao nhiêu lần. Một lần tôi bị nổi mụn đầu đinh ở cánh tay phải, đây là loại bệnh rất nặng thời đó, không có thuốc gì để trị. Theo kinh nghiệm, bác đã nung cây dùi đỏ chích vào giữa mụn đầu đinh, tôi gần như chết ngất vì đau quá, nhưng sau đó thì căn bệnh của tôi khỏi dần, dấu tích để lại là một vết sẹo. Bây giờ mỗi khi sờ vào vết sẹo trên tay tôi lại rưng rưng nhớ về kỷ niệm ngày thơ ấu. Cả gia đình tôi đều mang ơn hai bác rất nhiều. Những ân tình của hai bác, chúng tôi không bao giờ có thể quên được.

Người thứ hai là chú Tư Thuốc. Năm 1951 khi má tôi vừa sinh em Nguyễn Văn Hiến thì bão lụt năm Thìn đến, trong nhà không còn một hạt gạo. Má tôi mới sinh xong không có gì ăn nên không có sữa cho em Hiến bú. Xung quanh là biển nước mênh mông, ba tôi chèo xuống đi cả buổi cũng không tìm được cái gì để ăn, trong khi con nước cứ vậy dâng lên gần đặng mái nhà. Giữa lúc tưởng như cùng đường thì chiếc xuồng nhỏ của chú Tư Thuốc chèo đến đưa cho má tôi một tô cơm ghế với củ mì sượng do ngập nước. Má tôi cầm tô cơm ăn để có sữa cho con bú, nhưng thấy tôi đang nhìn tô cơm với cơn đói cực độ, má đã nhường cho tôi nửa phần ăn đó. Lúc đó, mới 5-6 tuổi đầu, tôi chưa đủ hiểu biết nên cầm lấy ăn ngấu nghiến.

Đến nay đã gần 70 năm trôi qua nhưng tấm lòng của chú Tư Thuốc với “một miếng khi đói còn hơn một gói khi no”

vẫn ở trong tâm trí của tôi, và đó cũng là nền tảng để tôi dạy con cháu về sự cho đi không vụ lợi.

Năm 1954, sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, có một số chuyến tàu qua lại từ Bắc vào Nam và từ Nam ra Bắc. Có người mách cho ba má tôi đăng ký về Bắc nhưng ông bà từ chối, quyết chí ở lại dẫn thân mưu cầu cuộc sống.

Lúc này, chị hai tôi tham gia phong trào Việt Minh, đảm trách một số công việc ở cơ sở như liên lạc, làm công an xã. Cả nhà tôi di chuyển ra Bàu Trai, nhờ người quen cho ở tạm trong một căn nhà tranh vách đất cũ, mái nát dột, vách đất lở bốn bề. Ba tôi phải xuống Sài Gòn làm đậu hủ thuê kiếm sống. Chị hai tôi có chồng ở riêng. Người chị thứ tư của tôi phải đi ở mướn chăn trâu cho chủ đổi lấy một năm được chục gạo lúa. Còn má tôi phải đi mót lúa từ sáng tinh mơ tới tối mịt mới về, từ Mỹ Hạnh, Lộc Giang, Hòa Khánh...; nơi nào có thu hoạch lúa thì có chân má tôi đi nhặt từng bông lúa, giữ từng đồng rơm để tìm những hạt thóc đủ loại. Mỗi ngày tối đa được chừng 10 đến 15 lít lúa tươi, cũng đủ phần lương thực mẹ con tôi cầm cự qua ngày. Món ăn hàng ngày chỉ là những con cá mà tôi câu được ở ruộng, ở đìa.

Nhà tôi có một con chó mực rất khôn, trung thành với chủ. Nó thường đi săn và tha về những con cá trê cá lóc ở những hầm lết của chủ đìa đào để dẫn dụ cá. Có cá má tôi nướng lên, tôi ra sân lượm vài quả xoài non vào băm muối hột hòa với nước sôi làm nước mắm chấm với cá nướng. Đây là món ăn ưa thích gần như thường xuyên của má con tôi.

Nhà nghèo, túng trước hụt sau, ba tôi chỉ biết đọc biết viết chữ Quốc ngữ, còn má thì mù chữ nên ba má cũng muốn con cái được học hành để sau này đỡ khổ. Trong mấy chị em, tôi được ưu tiên cho đi học. Ngôi trường đầu tiên của tôi ở ấp Đạo Thala, cách nhà chừng 3 – 4 cây số. Ngày đầu tôi được má dẫn đến trường với một cái cặp đan bằng cây bàng, bên trong đựng một quyển vở và một cây viết. Đường đến trường phải đi qua nhiều ruộng lúa. Trên đường đi học, tôi thường xuyên bị các bạn chọc phá, đánh đập, nhiều khi còn bị xô xuống ruộng. Có lần tôi bị bạn đè đầu trấn nước bởi vì chúng nói tôi là dân Bắc Kỳ. Sợ quá tôi phải bỏ học.

Không dám nói sự thật với má, mỗi buổi sáng tôi cắp cặp đi học nhưng đi được một đoạn đường tôi vội quay về trốn trong đồng rơm. Nhiều ngày như vậy, cho đến một lần ba tôi từ Sài Gòn về, má vui mừng khoe với ba là ở nhà đã cho tôi đi học. Ba quay sang nhìn tôi âu yếm: “Con đánh vần chữ “mẹ” cho ba nghe thử coi”? Tôi bối rối giây lát rồi cũng đánh vần ngay “mê e me nặng mẹ”. Nghe vậy, ba giận dữ cốc vào đầu tôi một cái đau điếng. Lúc đầu ba cho rằng tôi lười trốn học, nhưng sau khi nghe tôi trình bày cụ thể việc bị các bạn đánh, cả ba má đều rơm rớm nước mắt thương tôi. Sau mấy ngày ở nhà, ba xoay xở nhờ người quen xin cho tôi đi học tại trường Tiểu học công lập Bàu Trai. Tại đây tôi học hết lớp 5 (lớp 1 bây giờ). Sau đó gia đình tôi may mắn được ông cậu người anh của má tôi tìm kiếm và đón về lại đồn điền cao su Thuận Lợi làm công nhân cao su. Ngày xưa, ba má tôi từng là công nhân contra ở đồn điền này.

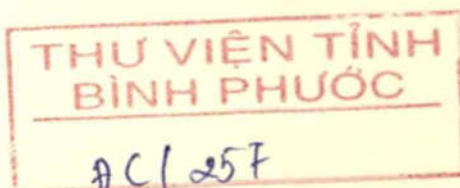
Thế là, sau hơn 12 năm lánh nạn giờ mới được trở về chốn cũ. Tại đây cuộc sống gia đình tôi đỡ khổ hơn, vì đã cú đến “kỳ tiền” là đã có đồng lương cơ bản.

Ngẫm lại, 12 năm ở Bàu Trai – Đức Hòa, không phải là khoảng thời gian quá dài của một đời người, nhưng với tôi, nó xứng đáng để trở thành quê hương thứ hai, trở thành mảnh đất thiêng liêng đã từng nuôi nấng và che chở tôi trong quãng đời tuổi thơ nhiều gian khổ nhưng cũng lắm ngọt ngào. Đây cũng là một trong những lý do khiến tôi đặt tên con trai út là Nguyễn Thái Bình, ngoài việc nhắc nhở Thái Bình luôn là quê hương nguồn cội của gia đình tôi, nó còn có ý nghĩa nhắc chúng tôi nhớ đến Long An, nơi anh hùng liệt sĩ cùng tên Nguyễn Thái Bình đã hi sinh vì độc lập tự do của dân tộc.

\*\*\*

Quê hương thứ ba của tôi chính là Phước Long – Bình Phước, nơi gia đình tôi về lưu trú từ năm 1957 tại đồn điền cao su Thuận Lợi thuộc huyện Đôn Luân.

Khi lên Thuận Lợi, gia đình tôi có bốn người cùng học chung lớp 1: Chị Nguyễn Thị Thuận, tôi, em Nguyễn Thị Thảo và em Nguyễn Văn Hiến. Học được một thời gian ngắn, chị Thuận phải nghỉ để đi làm thuê, giữ em và phục vụ cho một gia đình khá giả. Còn lại tôi và hai em tiếp tục đi học tại trường của Sở. Ngôi trường này chỉ có 3 lớp cấp I, là lớp 1, 2, 3 (Lớp Năm, lớp Tư, lớp Ba). Sau khi học hết lớp ở trường này, tôi và các em phải chuyển qua học tiếp lớp Nhì và lớp



Nhất bên trường của các Dì Phước dòng Thủ Thiêm. Học xong, tôi lên Phước Long tham dự kỳ thi hoàn thành chương trình bậc Tiểu học.

Thi đậu bậc Tiểu học, tôi lại thi tiếp vào lớp Đệ Thất của trường Phổ thông Trung học Phước Long. Lúc đó ở tỉnh Phước Long chỉ có duy nhất trường này mở lớp Trung học Phổ thông, nhưng cũng chỉ có lớp từ Đệ Thất đến hết Đệ Tứ, sau đó nếu muốn học tiếp phải về Bình Dương hoặc Sài Gòn. Lúc đó gia đình tôi rất khó khăn, mặc dù ba má và các chị muốn lo cho tôi ăn học đầy đủ nhưng các chi phí cho học tập, ăn ở, đi lại là cả một vấn đề lớn nên học được vài tháng, tôi buộc phải nghỉ giữa chừng.

Nhân dịp nghỉ hè, anh chị em chúng tôi tham gia sinh hoạt trong gia đình Phật tử của Hòa thượng Ngô Chân Tử cùng các sư cô chùa Hoằng Pháp lên thuyết pháp và truyền đạo. Khi tiếp xúc với gia đình tôi, nghe ba má trình bày về hoàn cảnh của tôi, Hoà thượng đã đồng ý cho tôi về chùa, thầy lo ăn ở và xin cho tôi vào học ở trường Tư thực Nhất Trí ở Hóc Môn. Tại đây tôi bắt đầu vào học lại chương trình lớp Đệ Thất. Hòa thượng đã cho tôi ăn ở miễn phí ở chùa, đóng tiền cho tôi học và mua cho tôi một chiếc xe đạp để đi đi về về, vì từ trường về đến chùa khoảng 5 – 7km.

Ở chùa tôi được Hòa thượng và các đệ tử của người rất yêu mến. Tôi hầu như không phải làm bất cứ công việc gì, chỉ tập trung cho việc học và mỗi tối lên chùa tụng kinh, ngồi thiền từ 15 đến 30 phút. Trong chùa mọi người đều

ăn chay trường. Những món ăn như tương, chao, đậu phụ, mít luộc, mít kho... cứ lặp đi lặp lại mỗi ngày. Tất nhiên, vì Hòa thượng ăn được, các sư cô ăn được thì tôi cũng phải ăn được, nhưng thật tình khi trên đường đi học nhìn thấy chung quanh khuôn viên của trường biết bao nhiêu hàng quán, nào là bánh mì, hủ tiếu, những xâu thịt nướng, gỏi khô bò với những sợi đu đủ bào có hương vị của giấm rắc đậu phộng thơm lừng khiến tôi thèm vô cùng. Tuy vậy, tôi phải cố chịu đựng vì trong túi không có một cái. Càng cố chịu đựng thì bao tử và đầu óc càng réo mãnh liệt, cuối cùng tôi đã nghĩ ra một mưu kế để thỏa mãn cơn thèm.

Hôm đó, sau khi học xong tôi cố tính về trễ, và khi đến gần chùa tôi xì lốp xe rồi dắt bộ về. Quá trưa mới thấy tôi về, Hòa thượng lo lắng hỏi thăm và biết được cơ sự chiếc xe xẹp lốp. Không một chút nghi ngờ, thầy liền lấy tiền đưa cho tôi và dặn đem ra thợ kiểm tra kỹ để ngày mai có xe đi học. Tôi “mở cờ trong bụng”, dắt chiếc xe ra quán mượn bơm bơm cho căng và vui vẻ chờ đến ngày mai để “phá giới”. Với số tiền Hòa thượng cho, tôi đã mua một đĩa gỏi khô bò trộn với đu đủ bào, món ăn giản đơn rẻ tiền nhưng đối với tôi lúc bấy giờ như “sơn hào hải vị”, mà để sở hữu được nó là một việc hết sức khó khăn. Sau này khi đã trưởng thành hơn, tôi luôn ân hận về việc mình đã làm trong những lúc bông bột. Ân hận vì đã lừa dối người rất thương yêu, quý mến, cứu mang mình. Và ân hận vì trước những cám dỗ đời thường tôi đã không nỗ lực vượt qua được. Sau này về lại Phước Long, tôi tham gia kháng chiến hơn 10 năm. Khi hòa bình thống nhất

Tổ quốc, Hòa thượng Ngô Chân Tử - ân nhân của tôi, của gia đình tôi đã về cõi Phật, điều đó càng làm tôi ray rứt hơn về việc lừa dối Người năm xưa. Con không gặp được Người để giải bày sự thật và nói một lời ăn năn xin lỗi, nhưng tận sâu trong tâm trí con, hình ảnh thiêng liêng cao quý của Người vẫn luôn hiện hữu.

Học xong lớp Đệ Thất, tôi được xét lên học Đệ Ngũ tại ngôi trường Nhất Trí này. Trong khi nghỉ hè chờ vào học lớp mới, tôi được về nhà. Gia đình tôi trong thời gian này tương đối ổn định, ngoài lương công nhân cạo mủ của ba và chị Tư Thuận, ba má còn mua được 1,7ha đất rẫy. Má và em tôi ở luôn tại đó coi rẫy và thu hoạch từng bụi mía, buồng chuối, trái thơm ít ỏi theo tinh thần “năng nhặt chặt bị” để mang lên chợ bán. Quãng đường từ rẫy lên đến chợ làng khoảng 5 – 6km với nhiều dốc cao, mùa mưa trơn trượt. Má tôi đau yếu bệnh tật luôn, nhưng có lẽ ý chí vượt qua đói nghèo, túng quẫn lúc đó đã giúp má cam chịu suốt gần nửa cuộc đời. Má luôn nỗ lực, tận tụy chắt chiu từng đồng tiền bát gạo để cùng ba và chị lo toan, gánh vác gia đình.

Vì có thêm chút ít thu nhập từ nương rẫy, ba má tôi xin phép Hòa thượng cho tôi ở nhà thi vào trường Công lập trên tỉnh lỵ Phước Long. Để vào được trường này, tôi phải thi lại và bắt đầu học từ lớp Đệ Thất trở lên. Ngôi trường tôi học lúc đầu mang tên Lệ Thanh – tên con gái của cố vấn Ngô Đình Nhu, vì do ông bà Ngô Đình Nhu xây tặng. Theo lời kể, ngôi trường này do Ngô Viết Thụ - một kiến trúc sư tài

ba của Việt Nam đã từng thiết kế Dinh Độc Lập (nay là Dinh Thống Nhất) thiết kế. Khi có cuộc chính biến lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, trường Lê Thanh đổi tên thành trường Nhất Linh – tên một nhà văn trong Tự lực Văn đoàn. Tôi học ở trường này đến năm lên lớp Đệ Ngũ. Có lẽ nhờ là... học sinh cá biệt phải học đi học lại nhiều lần nên kết quả học tập của tôi luôn nằm trong top đầu của lớp.

Mùa hè năm 1965, trong lúc đang chuẩn bị nghỉ hè thì quân giải phóng mở chiến dịch Mùa Khô Phước Long – Đồng Xoài. Từ vùng chiến sự tôi theo xe đò về Thuận Lợi, nhưng chỉ sau đó vài ngày quận Đôn Luân (Đồng Xoài) và Thuận Lợi đều bị quân giải phóng tiến công. Tôi xin ba má cho lên đường gia nhập đội quân cách mạng. Là một trong những người con trong gia đình mà ba má, các chị, các em rất thương yêu chăm sóc, khi tôi xin gia nhập quân giải phóng, dĩ nhiên ba má không muốn vì thấy tôi ốm yếu, sợ gian khó ác liệt không chịu nổi. Nhưng vì tình yêu nước, ý chí cách mạng, cuối cùng ông bà cũng đã đồng ý để tôi lên đường.

Việc học tập của tôi chỉ được như vậy, nhưng ở thời kỳ này có một ít chữ nghĩa cũng là khá lắm rồi. Trải qua những năm chinh chiến, sau khi hòa bình thống nhất, tôi mới được học bổ túc văn hoá hoàn thành chương trình Phổ thông Trung học. Tiếp đó, tôi được lãnh đạo tỉnh cho đi học đào tạo lớp cao cấp chính trị hai năm tại trường Nguyễn Ái Quốc ở Hà Nội, và sau này được cho học hoàn chỉnh chương trình cử nhân chính trị.

Là một trong những người không được may mắn lắm trên con đường học vấn, nhưng tôi luôn có ý thức sâu sắc về sự cần thiết của giáo dục đào tạo. Vì lúc nào cũng nghĩ mình còn thiếu, còn nông cạn trong nhận thức nên tôi luôn có tư tưởng thận trọng, phải lắng nghe, tìm kiếm thêm kiến thức, chắt lọc cái hay cái đúng của chúng bạn. Có lẽ chính điều đó đã làm nên một phần tính cách con người tôi: không tự ti, cũng không tự cao tự đại, luôn biết mình và học hỏi không ngừng, vì kết quả của quá trình giáo dục không chỉ có ở trường lớp.

Mỗi lần sinh hoạt gia đình, tôi thường tâm sự với các con các cháu rằng: Mình có thể thua kém chúng bạn về tài sản vật chất và địa vị xã hội, nhưng phải cố gắng học tập, rèn luyện, đừng để thua kém quá xa về trình độ, sự hiểu biết và đừng để nghèo nàn, thấp kém về đạo đức và tâm hồn. Mọi thành tựu ở đời đều do giáo dục mà nên. Tôi luôn nói với con cháu, đồng thời cũng là nói với chính mình như vậy. Niềm hạnh phúc của vợ chồng tôi lúc về già là thấy mỗi tháng, mỗi năm nhìn con cháu đều có sự cố gắng và có kết quả tốt trong học tập, rèn luyện...

## CHƯƠNG 2

### Gia nhập quân Giải phóng

Trước khi thoát ly, tôi là một học sinh phổ thông học trường Nhất Linh, ở trọ ăn cơm tháng nhà chú Sự, một người quen thân với gia đình tôi. Lúc đó, chú Sự là đầu bếp nấu ăn cho cố vấn Mỹ. Cũng trong tháng 5 này, quân và dân ta tấn công vào thị xã Phước Long. Nhà tôi ở trọ nằm giữa hai làn đạn của ta và địch đan chéo trên đầu, có lúc đạn bắn xuyên thùng cả vách nhà. Để tránh đạn, chú Sự cùng chúng tôi lấy cuốc và một số bìa gỗ dựng lên đào đất đắp vào tạo thành một bức tường che chắn, để phòng bất trắc của đường tên mũi đạn.

Một buổi sáng, chiến sự tạm lắng nhưng lại là lúc khởi đầu của máy bay trinh sát quần đảo, và sau đó là hàng tốp máy bay khu trục phản lực lên ném bom bắn phá những vị trí nghi ngờ là đội hình quân giải phóng. Lần đầu tiên trong cuộc đời tôi nếm trải khói lửa đạn bom. Mặc dù thời gian nghỉ hè chưa đến nhưng tôi quyết định trở về nhà ở đồn điền cao su Thuận Lợi. Tôi hấp tấp từ nhà chú Sự đi bộ ra phía

Sơn Giang, trên đường đi từng tốp máy bay phản lực nhào lộn, ném bom phía ấp Nhân Hòa và dọc theo chân núi. Tiếng máy bay gầm rú nhào lộn với những tiếng nổ long trời lở đất, đất đá miểng bom bay vèo vèo. Sợ quá, tôi lao nhanh vào ngôi miếu Bà, chui vào điện thờ ông Hồ phía dưới để tránh trú. Khoảng 1 giờ sau bầu trời yên ả trở lại, tôi chui ra đứng trước Miếu Bà xem có xe nào từ Phước Long về Thuận Lợi - Đồng Xoài không để xin quá giang. Bỗng thấy một chiếc xe đồ Bửu Hiệp từ Phước Long chạy ra, tôi ngoắc đón xe và xin đi nhờ về Thuận Lợi, coi như tạm thoát khỏi vòng chiến sự.

Về Thuận Lợi được vài ngày, trận chiến quân giải phóng mở chiến dịch Đồng Xoài năm 1965 lại diễn ra. Ba má và chị tôi trước đây từng tham gia hoạt động Việt Minh ở Đức Hòa - Long An vào những năm 1959 - 1960, tôi thường theo ba má về vùng tự do ở Hòa Khánh, Đức Hòa, Long An. Có lẽ do truyền thống gia đình tôi đã có cảm tình với quân giải phóng từ rất sớm, nên khi quân giải phóng vào tiếp quản đồn điền cao su Thuận Lợi là chúng tôi có cảm tình liền. Thực tế thì bộ đội ta là những người lính xuất thân từ nông dân, công nhân rất hiền lành, chất phác và rất kỷ luật. Họ được trang bị vũ khí mới tinh hiện đại như CKC, AK47, tiểu liên, trung liên, B40, B41, được truyền tụng là loại súng có độ nóng hơn 3000 độ có thể bắn cháy xuyên thùng cả xe tăng M40, M41 của quân địch.

Từ tất cả những yếu tố đó cộng lại nên khi các cán bộ địa phương vào tuyên truyền vận động tòng quân, tôi quyết định

xin đi. Má tôi ngần ngừ suy nghĩ, chắc là đang đấu tranh giữa việc ủng hộ cách mạng và xót cho cậu con trai gầy gò, ốm yếu không biết có chịu nổi gian khổ nằm gai nếm mật hay không? Hồi sau, bà bảo: con đi hỏi xin ba mày xem. Thế là tôi lên nhà máy xông mủ, nơi ba tôi đang làm công nhân lò xông trên đó. Gặp ba, tôi liền trình bày nguyện vọng theo quân giải phóng. Lúc này, ba bảo: con hỏi má chưa? Tôi trả lời: con hỏi rồi, má đồng ý rồi nói con lên hỏi ba.

Ba nhìn tôi suy nghĩ một chút rồi ông nói: con nên ở nhà đi học, sau này xin vào làm cảnh sát mà sống, ốm yếu như thế kia thì làm sao theo quân giải phóng được. Biết ba nói theo kiểu “khích tướng” nên tôi mạnh dạn nói tiếp: Con chịu đựng được mà. Ba tôi không nói gì, ông nhìn tôi một lúc rồi bảo tôi đi về nhà với ông. Ba đèo tôi trên chiếc xe đạp đòn dông. Về đến nhà, ông nói với má: Thằng Thỏa nó xin theo quân giải phóng, bà đồng ý rồi hả? Má tôi lặng thinh, các chị tôi lúc này cũng có mặt ở nhà không ai nói lời nào. Sự im lặng kéo dài trong giây lát, rồi bất ngờ ba cất tiếng nói với các chị: “Chuẩn bị đồ đạc cho nó”. Khởi phải nói là tôi phấn khích đến mức nào.

Hành lý tôi mang theo là những bộ quần áo mới đi học còn phù hiệu học sinh trường Trung học Nhất Linh - Phước Long, một đôi giày bata, tiền má và chị cho tôi khoảng 500 đồng.

Từ giã ba má, các chị, các em, tôi gia nhập quân giải phóng, và từ đây, cuộc đời tôi cũng bắt đầu sang trang mới. Khi còn

ở với gia đình, dù nghèo khổ, nhưng việc ăn uống của tôi tương đối đầy đủ, đi học hành được ba má, các chị lo sắm cho mọi thứ, từ quần áo, sách vở, đồng hồ đeo tay, xe đạp... Nay vào rừng, bắt đầu một cuộc sống có tổ chức, có kỷ luật, việc ăn uống có chế độ hẳn hoi. Nhưng từ nay tôi phải sống một cuộc đời tự lập, không còn hưởng sự ấm áp của gia đình. Do hoàn cảnh chiến tranh nên các bữa ăn thông thường của cánh tân binh chúng tôi là cơm ghế với củ mì, với bắp, có bữa ăn rất bắp bung. Thức ăn chủ lực là mắm ruốc kho sả, cá khô nấu canh chua lá két, thỉnh thoảng các anh đi săn được thì có thịt cheo, heo rừng... Dù ăn uống có kham khổ, nhưng nhờ được quán triệt ngay từ đầu nên các anh em tân binh chúng tôi không ai có thắc mắc hay nảy sinh tư tưởng gì.

\*\*\*

Từ Thuận Lợi lúc mờ mờ tối, chúng tôi đi về cứ đóng quân của đơn vị, đi qua các lô cao su 38, 39, 47, 55 Đồng Búa, và đi theo một đường xe vận chuyển gỗ vào rừng. Đi riết, cứ khoảng 2 tiếng nghỉ chân 10 phút. Lúc đầu rất hồ hởi phấn chấn, nhưng càng về sau càng mệt mỏi, hai chân nặng như đeo chì, mặc dù trên lưng chỉ đeo một cái bao với vài bộ quần áo và đồ dùng cá nhân. Một cỡ nào vẫn phải đi, đi trong đêm không đèn, không ánh sao soi đường, men theo những ánh sáng Mui-mi-nơ tỏa ra từ những cành cây khô mục được các anh chị đi trước lấy để lên balô mình cho người đi sau nhìn thấy, cứ thế ước lượng mà bước theo.

Mệt mỏi, rã rời, cộng với cơn buồn ngủ ập tới, tôi vừa đi vừa ngủ gật, nhiều lúc cúi đầu vào bóng súng cây “garant” của anh Minh - một cựu binh đi trước, đau điếng. Chúng tôi cứ như thế, mãi miết hành quân trong đêm. Trong chuyến hành quân này, anh Bảy Bông bị rắn chàm quạp cắn. Chàm quạp là loại rắn cực độc, sau này tôi được biết nhiều người bị nó cắn đã tử vong. Anh Bảy Bông bị rắn cắn đi không được nhưng may thay trong đoàn có chị Bảy Cấn, một nữ y tá được đào tạo trong rừng có kinh nghiệm điều trị rắn độc đã chữa trị cho anh. Được cứu chữa kịp thời, anh Bảy Bông ráng chịu đau tiếp tục đi về đến cứ, may sao từ chỗ bị rắn cắn về đến cứ cũng gần.

Chúng tôi về đến cứ khoảng 3 giờ sáng, nói cứ nhưng chẳng có nhà cửa gì, vì là mùa khô nên mỗi người căng võng giữa rừng ngủ. Số anh em tân binh mới vào được chú Ba Tương (là người cũng ở Thuận Lợi thoát ly trước tôi vài năm trước), người phụ trách căn cứ cấp cho mỗi người một cái võng bằng vải nilon nhưng không có dây. Một số anh chị em đi trước tìm cho chúng tôi những sợi dây mây rất chắc ở trong rừng. Sau khi chỉ cách xỏ dây và cột võng xong, chú Ba Tương gọi chúng tôi ăn cơm. Từ chiều đến giờ chưa ăn gì hết, bụng đói cồn cào. Bữa cơm cách mạng đầu tiên có gạo độn với bắp xay, một đĩa mắm ruốc nấu sền sệt và một thau canh chua lá két nấu với cá khô. Anh em chúng tôi ăn ngấu nghiến, ngon lành. Đó là bữa cơm “nhập môn”, bữa cơm cách mạng đầu tiên của chúng tôi vào lúc hơn 3 giờ sáng tháng 5 năm 1965. Ăn xong, chúng tôi ai đi về võng người nấy nằm. Do

mới vào rừng còn sợ nên anh em chọn chỗ mắc võng quây quần bên nhau. Mới lên võng nằm thiu thiu ngủ một chút lại nghe cái bịch như mít chín rụng, một đồng chí nào bị đứt hoặc tuột dây võng, cứ thế đến sáng phải nghe “mít chín tuột cuống” rớt bịch bịch vài lần.

Hôm sau khoảng hơn 7 giờ sáng, chúng tôi được đánh thức, trong lúc đang cuốn võng, tự nhiên nghe thấy mùi thối, anh em liền tìm xem là thứ gì? Hóa ra, có một bãi phân tươi đêm hôm ai đó chột bụng cho ra, có lẽ vì không có đèn đóm, trời lại tối đen như mực, đi xa sợ lạc nên đồng chí ấy cho ra tại chỗ. Khi được hỏi thủ phạm, tất cả đều im lặng, không ai dám nhận. Chú Ba Tương và các anh chị cũng không gạn hỏi truy tìm, vì ai cũng hiểu và hết sức thông cảm.

Không phải đợi lâu để được phân công nhiệm vụ, ngay sáng hôm sau, sau khi ăn sáng xong, tôi cùng các đồng chí mới vào và hai đồng chí nữ vào trước chúng tôi là đồng chí Ba Danh (sau này là bác sĩ), đồng chí Mười Xu (sau này là thơ ký đánh máy cho huyện ủy K25 rồi K11) được giao nhiệm vụ tải lúa ở kho tạm ngoài rẫy về kho trong cứ. Mỗi người đổ lúa đầy bông rồi mang đi. Chưa biết mình sẽ mang được bao nhiêu, tôi nhìn chị Ba Danh, chị Xu đổ lường lúa vào bông rồi ước lượng số lúa có thể mang được để làm theo. Mọi người cột bông rồi rời bước, các anh chị cựa binh đi thoăn thoắt, chị Ba Danh và chị Xu cũng vác bông lúa đi nhẹ nhàng. Nhưng khi tôi đưa bông lên vai thì ôi cha, nặng trĩu! Nghĩ thầm trong bụng, mọi người đều đi được, thậm chí hai đồng chí nữ cũng

bằng ấy lúa mà vẫn bước nhẹ nhàng, tại sao tôi lại không thể? Nhưng cố gắng đến mấy cũng chỉ đi được hơn 100m, tôi đặt bồng lúa một cách nặng nề xuống đất nghỉ một chút, sau đó đeo vào vai tiếp tục đi nhưng không tài nào đứng lên được. Chú Ba Tương lấy một tấm nilon nói tôi đổ ra phân nửa để lại, còn phân nửa mang về, vậy mà tôi còn thấy khó khăn. Có lẽ do từ nhỏ được ba má, anh chị dành hết tình thương cho đi học, gửi ăn ở hết chỗ này đến chỗ khác, không phải làm công việc nặng nên không quen. Cũng may mọi người trong đơn vị không chê cười mà chia sẻ và thông cảm cho một chiến sĩ tân binh mảnh mai gầy yếu như tôi.

\*\*\*

Ở căn cứ khoảng hơn mười ngày, tôi được biên chế vào đội công tác Thuận Lợi do đồng chí Hai Thu làm đội trưởng. Anh Hai Thu quê Quảng Ngãi, là dân tập kết được bố trí vào Nam. Trong đơn vị tôi còn có anh Phong, anh Bảy Bông, cả thầy bốn người. Anh Phong được trang bị một khẩu carbin “laphan”, anh Bông một khẩu ga-răng, tôi được giao một khẩu carbin thường với 10 viên đạn, anh Hai Thu một khẩu colt 12 ly. Là em út trong đơn vị, tôi được ưu tiên mang ba cái nồi từ nhỏ tới lớn chồng lên nhau bỏ trong bao bột mì đã được nhuộm bằng vỏ cây vùng màu nâu đất đỏ.

Ra Thuận Lợi lần này, chúng tôi được giao nhiệm vụ chính là tuyên truyền vận động, ổn định dân cư vùng vừa giải phóng. Trên đường từ căn cứ ra, nhiều lần chúng tôi phải dừng lại tìm chỗ ẩn nấp, né tránh nhiều đợt không kích của

các đợt máy bay ném bom của địch vào bất cứ chỗ nào chúng nghi ngờ có quân ta đóng quân như lô cao su, bìa rừng, trên các tuyến đường vận chuyển gỗ từ rừng ra... Máy bay trinh sát quần thảo trên đầu để phát hiện mục tiêu nhằm chỉ điểm cho máy bay phản lực, khu trục ném bom. Có hiện tượng căng thẳng như vậy bởi vì trước đó vài ngày, bộ đội chủ lực của ta đã tiến đánh chi khu quân sự Đồng Xoài, gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng nề.

Khoảng 5 giờ chiều, đội công tác chúng tôi đã tiếp cận phía sau làng 2 Thuận Lợi. Anh Hai Thu ra lệnh cho chúng tôi dừng lại chuẩn bị chỗ nghỉ, lấy cơm vắt muối mè ra ăn bữa chiều, chuẩn bị cho ngày mai bắt liên lạc với đồng chí Bảy Kính – Bí thư K ủy K127 để nhận nhiệm vụ mới. Nơi đội công tác căng võng ngủ trong lô cao su cách nhà tôi khoảng 2km. Đêm nằm thao thức nhớ ba má, nhớ chị và các em miền man, tôi liên tưởng đủ điều nhưng xác định được thái độ trách nhiệm mình là chiến sĩ quân giải phóng nên phải dần lòng. Trần trọc quá nửa đêm, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Được anh Hai Thu báo thức, anh em chúng tôi dậy sớm. Buổi sáng của chúng tôi lại tiếp tục cơm vắt, muối mè, sáng nay cục cơm vắt đã khô cứng hơn bữa ăn chiều hôm qua.

Sáng hôm sau khi bắt được liên lạc với đồng chí Bảy Kính, chúng tôi được phổ biến là đơn vị sẽ phối hợp với bộ đội chủ lực đánh địch đến chi viện giải vây cho Đồng Xoài và Thuận Lợi. Sau này tôi mới biết đây là trận đánh có ý nghĩa rất quyết định, đã tiêu diệt hoàn toàn một tiểu đoàn dù – lính tổng trừ

bị của địch. Có thể nói trận đánh thắng lợi làm thay đổi cục diện chiến tranh ở miền Nam, đồng thời cũng khẳng định nghệ thuật quân sự tài giỏi của quân đội ta: “Đánh điểm diệt viện”, dụ địch đến để đánh, bám sát thắt lưng mà đánh...

Đầu giờ chiều, tôi được giao nhiệm vụ đi bảo vệ đồng chí Bảy Kính - Tỉnh ủy viên Phước Long và là Bí thư K ủy K127. Do ở chung hầm sở chỉ huy với anh Bảy Kính và anh Năm Truyện nên diễn biến tình hình của địch và ta, tôi đều nắm rất kỹ. Đồng chí Năm Truyện (Năm Sài Gòn) là Q trưởng Q2 (trung đoàn trưởng) là người trực tiếp chỉ huy trận đánh này, còn anh Bảy Kính là lãnh đạo địa phương tham gia phối hợp. Sở chỉ huy được đặt ở Lô 38 bên ngoài làng Thuận Lợi. Lúc 2 giờ chiều, trinh sát báo về địch đã xuất hiện đội hình tại lô 1. Chúng đổ quân tại đây để hành quân bộ vào giải vây cho Thuận Lợi. Đến hơn 3 giờ chiều, trinh sát lại báo địch đã xuất hiện ở khu vực bệnh viện, nằm ở phía bờ bên kia sân bay, cách trận địa phục kích của ta khoảng 70 - 100m. Khi nghe trinh sát báo về, đồng chí Năm Truyện ra lệnh bắn 20 quả đạn cối về phía nhà thương. Sau khi 20 quả đạn được bắn về mục tiêu theo mệnh lệnh, trinh sát báo về địch đang chuẩn bị đội hình để tiến về trận địa phục kích của ta. Anh Năm Truyện tiếp tục ra lệnh các đơn vị xung phong tiến lên tiêu diệt địch. Trận đánh diễn ra quyết liệt. Sau một giờ đồng hồ, quân ta đã làm chủ trận địa, tiêu diệt gần như hoàn toàn tiểu đoàn dù số 7, là lực lượng tinh nhuệ tổng trừ bị của địch. Từ chỉ huy sở, đồng chí Năm Truyện ra lệnh nhanh chóng giải quyết liệt sĩ và thương binh của ta, thu chiến lợi phẩm và gấp

rút về lại trận địa củng cố công sự để chuẩn bị chiến đấu nếu địch liều lĩnh đổ bộ giải nguy. Đúng như dự định, khoảng 30 phút sau đó, từng đoàn trực thăng chở một đại đội với hàng trăm tên lính Mỹ đổ bộ xuống sân bay Thuận Lợi. Do trận địa ta bố trí sẵn trên bờ đê áp chiến lược sát cạnh với sân bay, nên khi máy bay trực thăng sa xuống đổ quân đều nằm gọn trong tầm bắn của ta. Máy bay cháy gần như tất cả, bọn Mỹ đổ xuống, ý đồ chi viện giải vây đều bị tiêu diệt.

Quá đau và cay cú với thất bại, địch bắt đầu cho ném bom hủy diệt Thuận Lợi. Đồng chí Bảy Kính yêu cầu tôi cùng rời công sự chỉ huy vào khu dân cư để kêu gọi bà con cô bác chạy ra ẩn nấp ngoài lô cao su. Khi chúng tôi vào, các đợt máy bay địch vẫn tiếp tục ném bom bắn phá ác liệt, kể cả bom xăng. Thấy không thể ở được, đồng chí Bảy Kính ra lệnh rút lui. Trên đường chạy ra nhiều máy bay gầm rú trên đầu, chúng tôi phải ngay lập tức nằm rạp xuống. Một quả bom nổ gần ngay đó, miếng bom bay vèo vèo cắm phập vào thân cây. Khi chạy ra được gần bìa lô cao su, một quả bom to bằng một người ôm rớt cách tôi và anh Bảy Kính chừng 10m, may sao bom không nổ. Nếu trái bom này nổ thì chắc chắn chúng tôi tan xác.

Ra đến lô cao su, địch tiếp tục ném bom bắn phá cả trong làng và ngoài lô, hơn một giờ oanh tạc. Chúng nghĩ có lẽ đã đè bẹp tiêu diệt được phần lớn đối phương nên rút về. Chúng tôi cùng đồng chí Bảy Kính lại tiếp cận vào bên trong làng. Ban đêm nhà máy điện bị phá hủy, không nhìn rõ hết

cảnh tang thương chết chóc. Rất đau lòng và lo lắng không biết gia đình như thế nào, tôi nhanh chóng chạy về. May sao nhà tôi không bị trúng bom, mọi người đều an toàn và đang chuẩn bị đồ đạc quang gánh lên đường chạy nạn. Chia tay ba má, hai chị và em, tôi lại trở về vị trí đội công tác. Dù là tân binh mới vào được vài ngày, chưa học tập chính trị quân sự gì cả, đường sá địa hình cũng chưa thông thạo, nhưng anh Bảy Kính có lẽ theo quán tính ra lệnh cho tôi theo xe đồ Bửu Hiệp lên Phú Riềng liên lạc với anh Chín Hàn để truyền lệnh cho xe xuống chở đồng bào Thuận Lợi lên lánh nạn tại Phú Riềng. Tôi chấp hành mệnh lệnh ngay tức khắc, mặc dù chưa biết gì về Phú Riềng.

Chưa biết mặt mũi anh Chín Hàn, cũng không biết cách nào để liên lạc, tôi mang theo tư trang với ba cái nôi, tay cầm một khẩu súng carbin có 10 viên đạn lên đường. Vì trên xe đồ đã đầy người chạy đi lánh nạn, anh tài xế và lơ xe yêu cầu tôi ngồi trên mui xe. Đến ngã ba Phú Riềng, xe có ý định chạy luôn, tôi liền la lớn như ra lệnh: “Rẽ vào Phú Riềng!”. Vừa nói tôi vừa cầm súng lên đạn, thấy tôi có vẻ cứng rắn, lơ xe liền yêu cầu xe rẽ vào Phú Riềng. Khi vào đến chợ, tôi xuống xe, và không nói thêm gì, để cho xe đồ tiếp tục chạy lên Phước Long. Thời kỳ này Phước Long là tiểu khu quân sự chưa giải phóng. Đêm đó, tôi tìm vào một nhà dân ở tạm qua đêm vì biết rằng Phú Riềng cũng vừa được giải phóng, quân địch đã bỏ chạy. Tuy nhiên, tôi vẫn cảnh giác không dám nằm ngủ, sau lưng vẫn đeo mấy cái nôi, cây súng carbin được chống xuống làm điểm tựa. Quá mệt mỏi và buồn ngủ,

nhưng vì lo lắng nên tôi chỉ thiếp đi rồi giật mình tỉnh lại, cứ như vậy hết đêm.

Đến sáng, tôi hỏi thăm tìm đến nhà anh Chín Hàn (vợ anh là công nhân Phú Riềng), vừa lúc đó anh cũng từ ngoài lô cao su về nhà. Sau khi gặp anh, tôi truyền lại ý kiến chỉ đạo của anh Bảy Kính. Anh Chín Hàn bảo tôi vào nhà ăn cơm sau đó sẽ tính toán. Trong lúc đang ăn cơm, khoảng 8 giờ sáng, tôi nghe thấy từ xa khoảng vài chục chiếc trực thăng từ hướng Sài Gòn lên, bay cao hơn nóc nhà chừng 5 - 10m. Sợ địch nhảy dù mình sẽ bị bắt sống nên tôi vội vàng cầm cây súng, đeo bông lên vai và chạy lại bên miệng hầm trú bom đạn của gia đình anh Chín Hàn để theo dõi diễn biến tình hình mà xử lý. Cả gia đình anh Chín Hàn đã xuống hầm. Trong lúc đàn máy bay trực thăng vừa đi qua thì bắt đầu từng tốp máy bay khu trục phản lực đến ném bom hủy diệt Phú Riềng. Quả bom đầu tiên rớt ở nhà thờ kế bên nhà anh Chín Hàn. Quả thứ hai thứ ba gì đó rớt ngay trên nắp hầm nhà anh, lúc này tôi mới chỉ vừa kịp ghé đầu xuống. Quả bom định mệnh này đã giết chết bố vợ và em vợ anh Chín Hàn. Nhiều người bị thương, tôi cũng bị miếng bom xéo đi một phần da thịt ở đùi. Cảm thấy không ổn, tôi chạy ra bờ đê chống xói mòn cho vườn cao su để tránh bom.

Máy bay oanh kích khoảng một giờ đồng hồ thì chấm dứt. Tôi tìm về nhà anh Chín Hàn mong gặp lại anh để xem ý kiến anh thế nào, nhưng về đến nơi thấy nhà bị bom đánh sập, hầm trú ẩn cũng bị bom đánh tan hoang, cả gia đình

không còn ai ở đó, máu dưới hầm thì loang lổ. Mặc dù máy bay địch không còn bắn phá nhưng khói lửa bom đạn vẫn ngập tràn, không khí thê lương chết chóc bao trùm. Không tìm được anh Chín Hàn, tôi di chuyển ra lô cao su, lúc này đã có hàng trăm công nhân Phú Riềng chạy ra trú tránh bom đạn. Ra đến lô không chỉ thấy hàng trăm công nhân mà còn bắt gặp dòng người gồng gánh từ Thuận Lợi lên đây tị nạn. Gặp một số người quen, tôi hỏi thăm về gia đình thì được biết gia đình tôi cũng đi theo dòng người lánh nạn đã vào tới Phú Riềng nhưng tìm kiếm mãi không thấy tung tích gì. Toàn bộ nhà cửa ở Phú Riềng đều bị san bằng hết. Trong đầu tôi nghĩ chắc gia đình mình đã bị bom đạn địch vùi lấp, đau đớn trong lòng, tôi bật khóc.

Chỉ trong vòng chưa đầy 20 giờ đồng hồ, tôi đã hai lần ở dưới tầm đạn hủy diệt, nhiều đồng bào tôi, đồng đội tôi đã hi sinh, còn tôi may mắn sống sót. Có lúc, tôi đã thầm trách anh Bảy Kính tại sao lại phân công nhiệm vụ cho tôi như vậy? Nhưng khi bình tâm lại, tôi biết đã là người chiến sĩ cách mạng thì nhiệm vụ gì cũng phải hoàn thành, khó khăn gì cũng phải vượt qua, có gian nan thì mới thành người.

\*\*\*

Sau trận hủy diệt ở Phú Riềng, tôi trở về đơn vị công tác tại Thuận Lợi. Lúc này đồng bào đã di tản hết. Trong làng nồng nặc mùi tử khí, mùi hôi thối của xác người, xác súc vật. Cảnh tượng ghê rợn đập vào mắt chúng tôi: Những con heo, con chó đói đang dúi đầu vào tìm ăn những xác chết thối rữa.

Anh Phong, anh Bảy Bông và tôi đi xuống xóm rẫy tìm xem có còn ai về bám rẫy sinh sống không. Đi từ đầu đến cuối xóm không tìm thấy bóng dáng một người nào. Chúng tôi tiếp tục đi đến căn nhà trong rẫy gia đình tôi, nơi má tôi làm rẫy vất vả góp nhặt từng đồng để anh em tôi ăn học. Nhà trên vắng tanh, anh em chúng tôi xuống đến nhà bếp thì bất ngờ gặp một anh lính dù trong trận đánh bị thương, bị đồng đội bỏ lại, đã chạy vào trú ẩn ở đây, vết thương nặng nhiễm trùng nên không đi lại được. Thoạt nhìn thấy anh ta, lòng hận thù trỗi dậy mạnh mẽ trong tôi, nghĩ đến cảnh đồng bào, đồng chí mình bị sát hại, tôi chỉ muốn giết anh ta ngay. Nhưng sau đó nghĩ lại, anh ta với tôi đều là người Việt Nam máu đỏ da vàng, có thể do hoàn cảnh chiến tranh đưa đẩy anh ta phải làm người lính dù. Sau khi nói vài điều phải trái, chúng tôi bỏ đi vì cũng không biết giúp đỡ anh ta bằng cách nào cả.

Chúng tôi tiếp tục đi xuống làng 3 để tìm hiểu thì biết dân tình ở đây cũng bị hủy diệt như ở làng 2 Thuận Lợi. Gần đến làng, không thấy bất cứ tiếng động nào của dân cư sinh sống, ba anh em chúng tôi vượt qua bờ đê hàng rào ấp chiến lược thì phát hiện quân địch đã hành quân đến đây. Anh Phong đi đầu bất chợt la lớn: “Địch!” rồi vội rẽ sang trái, còn tôi và anh Bông xông ra cổng chạy về hướng làng 2. Anh Bông rẽ vào trong lô, còn tôi cứ giữa đường cái mà chạy, vừa chạy vừa lấy tay mở nắp đồ bi đông nước. Địch bắn xối xả, đạn lúu chiu qua đầu. Ra đến lô cao su, không thấy anh Phong đâu cả, chúng tôi lo quá không biết anh Phong thế nào, có khi nào đã hi sinh hay bị địch bắt sống rồi?

Khi về đến căn cứ tạm ở làng 9 và báo cáo lại tình hình, anh Hai Thu ra lệnh cho chúng tôi nhanh chóng di chuyển căn cứ. Đang lúc chuẩn bị di chuyển thì anh Phong về, bị thương ở đầu ngón tay cái và trầy xước do kềm gai hàng rào cào vì phải trèo vượt ra ngoài. Chúng tôi lại may mắn thoát chết thêm lần nữa.

Sau lần thoát chết này, tôi được điều động về công tác ở văn phòng K ủy K25 mới thành lập vào năm 1967. Sau này tôi đoán được ý định cấp trên rút tôi về, có lẽ vì sợ tôi “bể chiến đấu” - chỉ hơn một tháng đã ba lần trải qua ác liệt hiểm nguy giữa cái sống cái chết cận kề. Về văn phòng K ủy, tôi được giao nhiệm vụ văn thư đánh máy, khi cần thì bảo vệ thủ trưởng đi công tác hoặc cùng làm nhiệm vụ đào hầm, đi tải. Năm 1966, tôi có dịp đi công tác ra suối Minh để làm việc với đội Biệt động do anh Hai Chí làm đội trưởng. Tại đây, một lần nữa, tôi lại may mắn thoát chết.

\*\*\*

Suối Minh là nơi đội Biệt động đóng quân trong một khu rừng lồ ô tái sinh gần với lô cao su. Đêm đó chúng tôi ngủ lại căn cứ này, sáng ra toàn bộ đơn vị chưa thức dậy thì bị địch tập kích đánh bất ngờ từ dưới dốc, chúng dùng hỏa lực tấn công lên. Hướng bố phòng chông mìn của đơn vị để phòng địch tấn công lại từ trên xuống nên không tác dụng. Do bị địch tấn công chớp nhoáng, đơn vị không kịp đáp trả, chỉ khoác được súng đạn, bỗng cá nhân rồi rút chạy lên phía trên để chuẩn bị đối phó. Khi di chuyển lên phía trên, tôi bị một

cây chông lỗ ô đâm vào cổ chân, mũi tên xuyên thấu lên phía trên hơn 10cm nên phải dừng lại rút mũi tên ra và dùng băng cá nhân băng tạm vết thương cầm máu, rồi cố di chuyển theo đồng đội thật nhanh.

Chỉ sau 10 phút, máy bay địch đã lên tới và bắt đầu ném bom bắn phá. Đất đá, miếng bom bay vèo vèo găm vào cây, cắm xuống đất... Toàn đơn vị di chuyển ra lô cao su. Sau khi kiểm quân còn thiếu chị Năm Ngà – vợ anh Bảy Kính, chúng tôi trở lại tìm hoài không thấy. Gần một giờ sau, khi tìm đến một hố bom địch vừa ném, nhìn thấy một số tờ tiền giấy rơi vãi chung quanh, có tờ còn dính trên lá cây. Anh Bảy Kính xác định đây là tiền trong túi chị Năm Ngà vợ anh. Sau khi tìm kiếm một hồi thì phát hiện chị trúng nguyên quả bom làm tan nát thịt xương. Anh Bảy Kính đau xót tìm nhặt từng mảnh xác của vợ gói vào tấm khăn dù đem theo bên người. Chiến tranh ác liệt, cái chết vô tình ập đến không báo trước. Dù một lòng “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, nhưng trước sự hi sinh của đồng đội mình, tôi không thể cầm lòng.

... Tôi được đưa về điều trị vết thương tại bệnh xá tiền phương của Quân khu 10, ở Suối Cát hơn 1 tuần. Tại đây, tôi được chứng kiến một cảm tượng hết sức thương tâm: Phòng bệnh của tôi là một căn nhà lợp lá trung quân, có hai cây cột cái và bốn cây cột con, ở giữa đặt một cái bàn bằng phen của cây lồ ô. Hai bên hàng cột con dành cho bệnh nhân căng võng nằm. Trước tôi có một đồng chí bộ đội chủ lực đang trên đường hành quân do bị sốt rét phải vào bệnh xá nằm lại. Qua

thời gian trò chuyện, tìm hiểu được biết đồng chí hành quân từ miền Bắc vào chi viện cho chiến trường miền Nam. Đơn vị của đồng chí được tăng cường cho D212 của Quân khu 10. Đồng chí điều trị tại đây đã được 4 ngày. Buổi sáng sau khi ăn cơm xong tôi rủ đồng chí chơi bài Tú lơ khơ. Hai anh em ngồi hai bên võng chơi bài được hai ván, đồng chí quay sang tôi nói: “Em mệt quá xin anh cho em thôi”. Tôi đồng ý. Đồng chí nằm xuống võng nhưng chưa đầy 2 phút, bỗng hắt hơi ra và đầu ngả về một phía. Tôi bước xuống võng, qua đặt tay lên đầu đồng chí thì thấy lạnh ngắt, mặt mày trắng bệch. Mặc dù chân còn đau nhưng tôi cũng cố gắng đi chậm xuống báo cho y bác sĩ. Nhưng đã muộn! Đồng chí ấy đã chết. Tôi được các y bác sĩ cho biết đồng chí bị mắc bệnh “sốt rét ác tính”. Đây là căn bệnh quái ác đã giết chết biết bao nhiêu cán bộ chiến sĩ của ta từ Bắc vào Nam chi viện, và cũng không biết bao nhiêu cán bộ chiến sĩ giải phóng miền Nam cùng chung số phận.

... Tôi rời bệnh xá về công tác lại tại Văn phòng khu ủy K125, tiếp tục công việc như cũ là “H – T – R”. Ý nghĩa của ba chữ viết tắt là: đào hầm, đi tải lương thực, thực phẩm và làm rẫy tự túc.

Ngày 12/11/1965, qua quá trình rèn luyện thử thách trong chiến đấu và công tác, được các anh chị đi trước tuyên truyền giáo dục, vận động tôi được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng Việt Nam. Chi đoàn đầu tiên nơi tôi sinh hoạt có 5 đồng chí: anh Hải, Ba Danh, Mười Xu, Năm, Ba Tong và tôi. Anh Lê Hồng Hải, Bí thư Chi đoàn là Đảng

viên, anh công tác ở bộ phận “cơ công” (truyền tin mật mã). Quê anh ở Trảng Bàng, Tây Ninh. Anh lớn hơn tôi 2 tuổi và đã gia nhập quân Giải phóng từ năm 1961. Anh hiền từ đức độ, có lẽ là người anh, người thầy trực tiếp truyền bá tinh thần yêu nước, ý chí cách mạng cho tôi ngay từ những ngày đầu. Anh rất quý mến tôi, lúc rảnh rỗi anh em thường tâm sự, kể cho nhau nghe nhiều câu chuyện cổ tích, tiểu lâm, có đôi khi là những chuyện bịa đặt tự nghĩ ra để gây cười, làm vui giữa rừng sâu trong đêm tối.

Tôi và anh còn có nhiều kỉ niệm đáng nhớ, đó là 2 lần đi săn bắn. Lần đầu vào ban đêm anh và tôi đi săn, trên đường từ căn cứ ra gần đến Dinh điền Đức Bốn, đang đi anh khoát tay ra hiệu cho tôi dừng lại. Anh đưa tay lên trán chỉnh sửa lại đèn rọi và từ từ đưa khẩu súng Calip lên nhắm vào con mồi. Qua ánh đèn tôi thấy mắt của con vật sáng rực như sao đêm... Tiếng nổ phát ra, con vật đổ sập, giã giụa chốc lát rồi im lặng. Chúng tôi tiến về phía con thú vừa bị hạ, đến nơi chúng tôi rất vui mừng vì đây là một con nai chà rất lớn. Tôi và anh lấy con dao đem theo xẻ thịt con nai, lấy 2 cái đùi sau đem về, phần còn lại chúng tôi vào gọi anh em quen ở Dinh điền Đức Bốn ra cho họ. Anh cho tôi biết đây là lần đầu tiên anh đi săn và tôi nói cho anh biết tôi cũng lần đầu tiên theo người đi săn. Lần đầu ra quân thắng lợi! Thế là mỗi lần được nghỉ việc “truyền tin” anh lại xuống rủ tôi đi săn.

Lần thứ hai tôi và anh cùng đi, chúng tôi đi đến một quả đồi cách căn cứ đóng quân độ vài cây số. Từ xa nghe tiếng

động chuyển cành, tiếng khua va đập của cây cối, mùi hôi và tiếng kêu của một loài thú nào đó. Với kinh nghiệm ở rừng, anh cho tôi biết đó là tiếng kêu của bầy “cà héc” (Khỉ mặt đỏ). Anh và tôi cùng tiếp cận vào giữa bầy khỉ sau khi phát hiện được chúng tới, la hét tứ tung, chạy lên chạy xuống nhe răng hăm dọa. Lần này đi săn anh mang theo khẩu “Cabin”. Anh nhắm bắn chuẩn xác và một con bị trúng đạn, từ trên cao rớt xuống như trái mít rụng. Chúng tôi lật đật chạy vào nơi con vật vừa bị bắn chết định thu gom chiến lợi phẩm, nhưng bỗng nhiên từ trên cây một con “cà héc” mặt đỏ to gần bằng con người từ trên cây lao xuống như tên bắn, gào thét, nhe hàm răng hung dữ tiến về phía chúng tôi với điệu bộ dữ dằn, hung tợn như muốn tấn công cắn xé chúng tôi... Không ai bảo ai, tôi và anh bỏ chạy. Chú “cà héc” đực thắng thế chạy theo tấn công chúng tôi. Tôi chạy trước, anh Hải chạy sau để ngăn con “cà héc” tiếp cận. Anh Hải quay đầu súng lại phía sau bóp cò. Cứ như vậy, vừa chạy vừa bắn, khi chạy về đến căn cứ thì không còn viên đạn nào. Hai anh em mệt lử, mặt mày tái xanh tái mét. Về căn cứ kể chuyện cho các anh em khác nghe, có người am hiểu giải thích: Con thú bị bắn chết là con cái, còn con thú cắn thù tấn công chúng tôi là con đực, chồng của con cái nên nó mới hung tợn tấn công quyết liệt như vậy... Từ sự việc này tôi càng suy nghĩ nhiều hơn về loài vật, chúng cũng có tình cảm, biết yêu ghét, biết giận hờn; khi đã cắn thù thì chúng liều chết, không màng đến tính mạng của mình. Như vậy loài vật cũng rất coi trọng nghĩa tình (!) Trong chiến tranh có thể thông cảm vì bắt buộc phải săn bắn

để cải thiện bữa ăn nhưng ở thời buổi hiện nay việc săn bắn, diệt chủng động vật là một tội ác khó có thể tha thứ.

Sau chiến tranh, hòa bình và thống nhất đất nước, anh Hải, người bí thư đoàn đầu tiên của tôi làm giám đốc bưu chính viễn thông Bình Phước cho đến lúc nghỉ hưu, đồng chí Ba Danh làm bác sĩ - trưởng phòng Y tế Thị xã Thủ Dầu Một, đồng chí Mười Xu làm thư ký Văn phòng Huyện ủy Phước Long, đồng chí Năm hi sinh khi đột nhập thị trấn Phước Bình công tác, và đồng chí Ba Tong hi sinh tại căn cứ do bị pháo địch bắn trúng.

Tại chi đoàn này tôi có một kỉ niệm khó quên là đã phê bình, góp ý không khéo léo về việc nấu ăn của các chị nuôi nên khi họp chi đoàn các đồng chí phê bình tôi là “tự cao tự đại”. Lúc bấy giờ tôi có “sốc” thật nhưng đành chịu. Nhưng sau này suy nghĩ lại, tôi thấy những lời phê bình gay gắt ấy như một liều thuốc đắng vô cùng hiệu nghiệm. Từ đó, tôi luôn nhắc nhở bản thân phải luôn thận trọng trong lời ăn tiếng nói, đúng là “lời nói không mất tiền mua”, nên khi nói phải cân nhắc. Nói đúng chưa được, mà nói làm sao để đi vào lòng người, đó mới là điều quan trọng.

Những năm tháng đầu của tôi khi tham gia cách mạng là như thế đó.

## CHƯƠNG 3

### **Tôi lên công tác ở Đội biệt động Bà Rá**

Trong cuộc đời chiến đấu vào sinh ra tử của tôi không thể không nói đến đội Biệt động Bà Rá anh dũng kiên cường. Đây là đơn vị mà tôi được bố trí công tác từ ngày 10/3/1969 để rồi sau này giữ vai trò đội trưởng (vào năm 1972) Mặc dù không phải là nhà viết sử, nhưng về sau này, tôi bỏ công tìm lại các tư liệu, cũng như gặp lại nhiều đồng đội để làm kỷ yếu về đội biệt động Bà Rá. Tôi muốn không ai bị lãng quên trước dòng thác lũ khắc nghiệt của thời gian.

#### **I. Lịch sử hình thành K ủy và sự ra đời của biệt động Bà Rá**

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, Quân khu 6 tăng cường về Tiểu đoàn 840 tỉnh Phước Long (cũ), để phối hợp cùng với bộ đội và các lực lượng tại địa phương tổ chức đánh chiếm các dinh điền, áp chiến lược địch bố trí ngoại vi xung quanh các chi khu quân sự và Tiểu khu Phước Long. Chỉ trong thời

gian ngắn quân ta đã đánh chiếm giải phóng hoàn toàn các dinh điền và ấp chiến lược Đức Bốn, Lệ An, Bù Rạc, Phước Tín, Nhân Lý, Phú Văn, Đức Hạnh, Bù Xia, Bù Tổ... Sau khi đánh chiếm tiêu diệt địch và giải phóng các dinh điền, ta chủ trương xây dựng lại làng xã chiến đấu, vùng giải phóng tại các địa bàn được giải phóng nêu trên.

Trước sự lớn mạnh của quân và dân Phước Long buộc địch phải co cụm, xây dựng thế phòng thủ, lợi dụng tối đa uy lực của phi pháo, máy bay ném bom, lực lượng biệt kích đổ bộ và các chiến dịch càn quét lấn chiếm hủy diệt các đồn điền, dinh điền, vùng giải phóng của ta.

Tháng 5/1965 Bộ chỉ huy miền tổ chức Chiến dịch Mùa Khô tiến đánh tiểu khu quân sự Phước Long, Chi khu quân sự Phước Bình – Tiểu đoàn 840 đơn vị chủ lực của khu VI là đơn vị chủ công phối hợp cùng hai trung đoàn của miền và các lực lượng lượng vũ trang nhân dân, dân công hỏa tuyến của Phước Long tham gia chiến dịch. Trong chiến dịch này ta không đánh chiếm được thị xã Phước Long nhưng đã gây cho chúng nhiều thương vong. Thế và lực của địch bị suy giảm nghiêm trọng, trong khi uy thế của quân và dân ta được đẩy lên thành cao trào.

Với chiến dịch Mùa Khô năm 1965, địa bàn chiếm đóng của địch bị thu hẹp lại, vùng giải phóng do quân ta kiểm soát ngày càng mở rộng tạo thế trận bao vây chia cách địch trên toàn địa bàn các chi khu với tiểu khu của Phước Long từ

bấy giờ. Mặc dù địch nhiều lần đổ quân càn quét lấn chiếm nhưng đều bị quân dân ta đánh bại.

Trước tình hình tương quan giữa ta và địch lúc bấy giờ, Đảng ta chủ trương đường lối chiến lược: “Cách mạng không ngừng” xây dựng lực lượng “ba thứ quân” chiến đấu đồng thời trên cả ba vùng chiến lược. Được sự chỉ đạo của tỉnh ủy Phước Long – K ủy K 125 quyết định thành lập các đội công tác vũ trang tuyên truyền có nhiệm vụ thọc sâu bám sát trong lòng địch, tuyên truyền vận động nhân dân xây dựng thực lực cách mạng ngay trong lòng địch. Thông qua quần chúng, cơ sở cách mạng nắm tình hình địch về diễn biến tư tưởng, âm mưu ý đồ của chúng, cũng như việc điều binh bố trí binh lực của địch trên địa bàn; tổ chức diệt ác trừ gian, phục kích tập kích gây chấn động ngay trong sào huyệt của địch.

Sau chiến dịch Phước Long (5/1965) K ủy K 125 quyết định thành lập các đội công tác:

1. Đội công tác Đồi 230 do đồng chí Sáu Non Huyện – ủy viên K25 làm đội trưởng.
2. Đội biệt động Phước Bình do đồng chí Ba Thành (Khúc Chí Thành) – Thường vụ K ủy làm đội trưởng.
3. Đội biệt động Bà Rá do đồng chí Phạm Văn Quý - Thường vụ K ủy làm đội trưởng.

Trong quá trình bám trụ hoạt động, đội công tác Đồi 230 do đồng chí Sáu Non phụ trách bị địch phục kích, toàn đội hy sinh. Do không móc nối lại được cơ sở, không bố trí được

nhân lực trở lại hoạt động nên đội công tác Đồi 230 không còn hoạt động từ năm 1967.

Sau Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân Mậu Thân năm 1968, để thực hiện chủ trương bố trí lại nhân lực, địa bàn hoạt động cho phù hợp, tỉnh ủy Phước Long quyết định tách K25 thành 3 K mới: K11, K14, K17.

- K11 có địa bàn hoạt động ở phía Nam từ suối Rạt lên, phía Bắc bên kia dòng sông Bé, phía Đông từ Đức Liễu trở về, phía Tây từ cầu sông Bé tiếp giáp với Bù Đốp trở lại. Như vậy K11 được giao phụ trách toàn bộ chi khu Phước Bình, tiểu khu Phước Long. Các ấp chiến lược, dinh điền ngoại vi do địch kiểm soát còn có: Sơn Hà, Hiếu Phong, An Lương, Nhân Hòa 1-2-3, Phước Quả, Phước Tín, Phước Lộc, Phước Vĩnh.
- K14 có địa bàn hoạt động phía Bắc sông Đăk Lung và sông Bé gồm các dinh điền ấp chiến lược được giải phóng là: Bù Xia, Đức Hạnh, Phú Văn và vùng căn cứ giải phóng Đăk Ô – Bù Gia Mập (cũ).
- K17 có địa bàn hoạt động là chi khu quân sự Đôn Luân (Đồng Xoài) đồn điền cao su xã Thuận Lợi – Phú Riềng, các xã ấp chiến lược ngoại vi chi khu quân sự Đôn Luân.

Khi có quyết định phân chia địa bàn hoạt động, tổ chức biên chế và bộ máy hoạt động của K11 như sau:

1. Đồng chí Nguyễn Tấn Lực (Tám Lực) – Tỉnh ủy viên Phước Long – Bí thư K ủy.
2. Đồng chí Nguyễn Văn Túc (Hai Một) – Phó Bí thư.
3. Các ủy viên thường vụ:
4. Nguyễn Hoàng – TV: Phụ trách công an.
5. Khúc Chí Thành – TV: Phụ trách đội biệt động Phước Bình.
6. Huỳnh Thị Minh Tuyết – TV: Phụ trách đội biệt động Bà Rá.
7. Huỳnh Văn Chèo – TV: Huyện đội trưởng (1971).

Các ủy viên ban chấp hành:

1. Trịnh Trung Thu – CVP.
2. Nguyễn Ngọc Siêng – Đội biệt động An Lương, Sơn Hà.
3. Nguyễn Văn Tiến (Út Lớn) – Đội phó đội Biệt động Bà Rá.
4. Nguyễn Thị Xuân (Tư Xuân) – Đội phó đội Biệt động Bà Rá.
5. Nguyễn Văn Thỏa - Đội phó sau đội trưởng đội Biệt động Bà Rá; HUV năm 1971.
6. Lưu Thị Dậu – Phụ trách công tác phụ nữ (1971).

7. Trương Công Hoa – Đội trưởng công tác Phước Quả - Phước Long.
8. Điều Lo – Cán bộ công tác tại Bà Rá; HUV năm 1971.
9. Nguyễn Quang Bổng – Huyện đội phó (1971).
10. Nguyễn Minh Phụng – Trưởng ban binh vận (1971).

Từ khi thành lập K ủy K11 đến khi Phước Long được giải phóng hoàn toàn, có 5 đồng chí trong cấp ủy, trong đó có một ủy viên ban thường vụ đã hy sinh:

- Khúc Chí Thành – TV K Ủy; Đội công tác Phước Bình.
- Nguyễn Ngọc Siêng – HUV; Đội công tác An Lương, Sơn Hà, Nhơn Hòa.
- Trương Công Hoa – HUV; Đội công tác Phước Qua.
- Nguyễn Công Tiến – HUV; Đội công tác núi Bà Rá.
- Nguyễn Quang Bổng – HUV; Huyện đội phó.

Có 6 đồng chí đã từ trần:

- Đồng chí Nguyễn Tấn Lực (Tám Lực) – Bí thư K ủy.
- Đồng chí Nguyễn Văn Túc (Hai Một) – Phó Bí thư.
- Huỳnh Văn Chèo – TV: Huyện đội trưởng (1971).
- Nguyễn Hoàng – TV: Phụ trách công an (Phú Thọ).
- Điều Lo – HUV đội công tác Bà Rá (Bình Trung – Bình Tân huyện Phú Riềng)
- Nguyễn Thị Xuân – HUV; Đội phó Đội núi Bà Rá.